

Vĩ mô đầu tuần: GDP Q3 của Việt Nam dự báo tăng chậm lại 5,8% do bão Yagi

Phạm Vũ Thăng Long
Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Số lượng việc làm phi nông nghiệp tháng 9/2024 ở Mỹ dự kiến sẽ tăng thêm 145.000 việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp nhiều khả năng sẽ ổn định ở mức 4,2% trong khi tăng trưởng tiền lương được dự báo sẽ tăng chậm lại ở mức 0,3% so với tháng trước sau khi tăng 0,4% so với tháng trước trong tháng 8/2024.
- CPI tại khu vực Eurozone được dự báo sẽ tăng chậm lại về mức mục tiêu 2% của ECB trong tháng 9/2024, mức thấp nhất kể từ tháng 6/2021 và từ đó củng cố khả năng ECB có thể cắt giảm lãi suất lần 3 vào tháng 10/2024.
- Tổng cục Thống kê sẽ công bố số liệu kinh tế tháng 9 và Q3/2024 vào chủ nhật. GDP Q3/2024 được dự báo sẽ tăng chậm lại ở mức 5,81% sau khi tăng 6,93% trong quý trước. KNXXK và KNNK nhiều khả năng đều tăng chậm lại lần lượt 7,5% và 9,7% trong tháng 9/2024, so với tăng lần lượt 15,2% và 14,7% trong tháng 8/2024. CPI nhiều khả năng tiếp tục hạ nhiệt xuống 2,73% trong tháng 9/2024.

Những số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần

Tuần này, thị trường sẽ chú ý tới báo cáo việc làm tháng 9/2024 ở Mỹ với số lượng việc làm phi nông nghiệp dự kiến tăng lên 145.000 việc làm và tỷ lệ thất nghiệp vẫn ổn định ở mức 4,2%. Trong khi đó, tăng trưởng tiền lương được dự báo sẽ tăng chậm lại ở mức 0,3% so với tháng trước, so với tăng 0,4% so với tháng trước trong tháng trước. Tại khu vực Eurozone, lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục hạ nhiệt với lạm phát tổng thể dự kiến giảm xuống 2% trong tháng 9/2024, mức thấp nhất kể từ tháng 6/2021, trong khi lạm phát cơ bản nhiều khả năng ổn định ở mức 2,8% so với cùng kỳ.

Tại Trung Quốc, hoạt động kinh tế được dự báo sẽ tăng chậm lại do chỉ số PMI sản xuất & dịch vụ tháng 9/2024 đều cho thấy mức tăng trưởng chậm lại.

Tại Việt Nam, Tổng cục Thống kê sẽ công bố số liệu kinh tế tháng 9 và Q3/2024 vào chủ nhật. GDP Q3/2024 được dự báo sẽ tăng chậm lại ở mức 5,81% so với cùng kỳ sau khi tăng 6,93% so với cùng kỳ trong quý trước. KNXXK và KNNK nhiều khả năng đều tăng chậm lại lần lượt 7,5% và 9,7% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024, so với tăng lần lượt 15,2% và 14,7% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024. CPI nhiều khả năng tiếp tục hạ nhiệt xuống 2,73% trong tháng 9/2024 do (2) chi phí giao thông có thể tiếp tục giảm so với tháng trước và (2) mức nền tiếp tục cao hơn. Tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng lên 24.575 (tăng 0,081%), cho thấy sức ép lên đồng VND tăng lên trong tuần thứ 2 liên tiếp. Trong khi đó, chỉ số VN Index tăng 1,5% đóng cửa tại 1.290,92 điểm, tuần tăng thứ 2 liên tiếp.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/9.

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU, Trung Quốc & Việt Nam

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
30-9-24	Trung Quốc: PMI sản xuất (T9/24)	50.4		50.5
	Trung Quốc: PMI dịch vụ (T9/24)	51.6		51.5
1-10-24	Việt Nam: PMI sản xuất (T9/24)	52.4		52.0
	EU: PMI sản xuất (T9/24, chính thức)	45.8		44.8
	EU: Tỷ lệ lạm phát (T9/24, y/y %, sơ bộ)	2.2		2.0
	EU: Lạm phát cơ bản (T9/24, y/y %, sơ bộ)	2.8		2.8
3-10-24	Mỹ: PMI sản xuất (T9/24, chính thức)	47.9		47.0
	EU: PMI dịch vụ (T9/24, chính thức)	52.9		50.5
	Mỹ: PMI dịch vụ (T9/24, chính thức)	55.7		55.4
4-10-24	Mỹ: Số lượng việc làm phi nông nghiệp (T9/24)	142,000		145,000
	Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (T9/24, %)	4.2		4.2
	Mỹ: Thu nhập bình quân theo giờ (T9/24, m/m%)	0.4		0.3
	Mỹ: Thu nhập bình quân theo giờ (T9/24, y/y%)	3.8		3.3
29-6-24	Việt Nam: GDP (Q3/24, y/y%)	6.93		5.81
	Việt Nam: KNXXK (T9/24, y/y%)	15.2		7.5
	Việt Nam: KNNK (T9/24, y/y%)	14.7		9.7
	Việt Nam: Cán cân thương mại (T9/24, USD)	4.1 tỷ		1.7 tỷ
	Việt Nam: CPI (T9/24, y/y%)	3.45		2.73
	Việt Nam: Doanh số bán lẻ (T9/24, y/y%)	7.9		7.0
	VN: Giá trị sản xuất công nghiệp (T9/24, y/y%)	8.9		7.8

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Việt Nam

Tổng cục Thống kê sẽ công bố số liệu kinh tế tháng 9 và Q3/2024 vào chủ nhật. GDP Q3/2024 được dự báo sẽ tăng chậm lại ở mức 5,81% so với cùng kỳ sau khi tăng 6,93% so với cùng kỳ trong quý trước. KNXXK và KNNK nhiều khả năng đều tăng chậm lại lần lượt 7,5% và 9,7% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024, so với tăng lần lượt 15,2% và 14,7% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024. CPI nhiều khả năng tiếp tục hạ nhiệt xuống 2,73% trong tháng 9/2024 do (1) chi phí giao thông có thể tiếp tục giảm so với tháng trước và (2) mức nền tiếp tục cao hơn. Tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng lên 24.575 (tăng 0,081%), cho thấy sức ép lên đồng VND tăng lên trong tuần thứ 2 liên tiếp. Trong khi đó, chỉ số VN Index tăng 1,5% đóng cửa tại 1.290,92 điểm, tuần tăng thứ 2 liên tiếp.

Số liệu kinh tế tháng 9 và Q3/2024

Tăng trưởng GDP

HSC dự báo GDP tăng 5,8% trong Q3/2024 do tác động tiêu cực của bão Yagi nhiều khả năng sẽ bù trừ tác động tích cực của KNXXK và KNNK tăng tốt hơn dự báo (Mời xem: [Tác động của bão Yagi lên GDP Việt Nam](#), ngày 19/9/2024, HSC).

Hoạt động thương mại

Do ảnh hưởng của bão Yagi, HSC dự báo KNXXK và KNNK tăng chậm lại lần lượt ở mức 7,5% và 9,7% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024 và tăng lần lượt 15% và 16,7% so với cùng kỳ trong Q3/2024, so với tăng lần lượt 13,2% và 20,4% so với cùng kỳ trong Q2/2024 (Mời xem: [Tăng trưởng thương mại đối diện nhiều thách thức trong 2025-2026](#), HSC).

Lạm phát

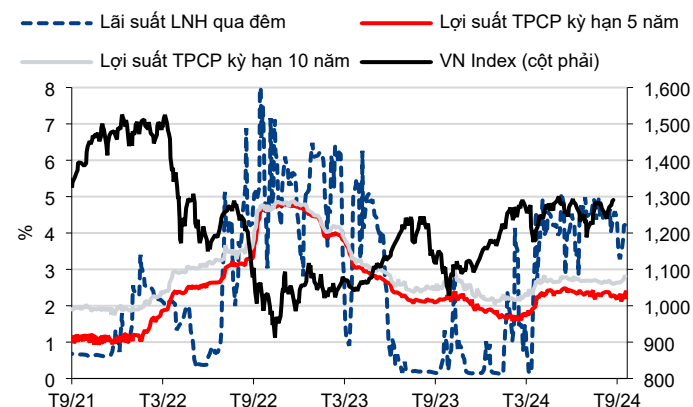
Về mặt giá cả, HSC dự báo CPI tiếp tục giảm 2,73% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024 do (1) chi phí giao thông có thể tiếp tục giảm so với tháng trước và (2) mức nền tiếp tục cao hơn (Mời xem: [Sức ép lạm phát không đáng kể khi Fed hạ lãi suất](#), ngày 17/9/2024, HSC).

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 2 và 3.

Biểu đồ 2: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

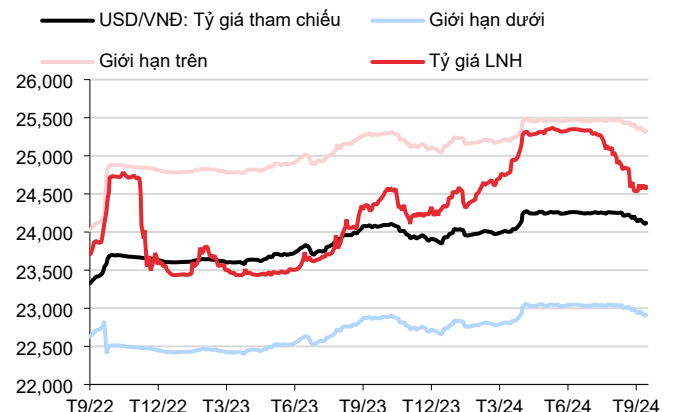
Chỉ số VN Index tăng 1,5% và đóng cửa tại 1.290,92 điểm



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 3: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,081% lên 24.575



Nguồn: CEIC, HSC

Bảng 4: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	24,950	24,850	24,750
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,418	3,451	3,438
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.20	6.50	6.50
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	452	500	551
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,467	4,900	5,347
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.42	5.00	4.54
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	40.1	39.2	38.3
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.8	36.2	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.08	4.46	3.54	2.81	2.57
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	137.7	142.4	146.8
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.25	4.25
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	3.5	3.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	90	105	121
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.6	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.2	27.1	30.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	25.0	25.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	384	430	477
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	17.5	12.0	11.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	408	457	507
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	15.0	12.0	11.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	165	180	195
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	36.0	35.4
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.3	28.3	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn